

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/HS-ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Thúy Vinh và ông Nguyễn Công Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Tạ Minh Hảo, kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/HSST-QĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Phương T; Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1984, tại thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: K, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Xuân T1; Con bà: Trương Thị N; Chồng 1: Mai Thế K (Đã ly hôn); Chồng 2: Trần Xuân L (Đã ly hôn); Con: có 04 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Võ Quốc T2; Sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT: 140/23 L, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Nhà B, ngõ A, đường V, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

- Anh Mai Nguyễn Thế P, sinh năm 2002; Trú tại: khối C, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

- Anh Trần P1, sinh năm 1996; Trú tại: khối F, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 3 năm 2020, do cần tiền giải quyết công việc cá nhân nên anh Võ Quốc T2 (*Sinh năm 1987, trú tại 1 L, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh*) có hỏi vay tiền của chị Nguyễn Thị Phương T. Chị T đồng ý và hai bên thống nhất vay với lãi suất cao từ 2.843 đồng/1 triệu đồng/1 ngày đến 4.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày tương đương lãi suất 103,8%/1 năm đến 146%/1 năm. Tiền lãi được trả theo tháng và quy định 01 tháng được tính là 30 ngày, còn tiền vay được T đưa tiền mặt cho T2. Quá trình trả tiền lãi anh T2 sử dụng số tài khoản 0101001217227 ngân hàng V và số tài khoản 19030915588686 ngân hàng T5 đều mang tên Võ Quốc T2 để chuyển tiền lãi đến số tài khoản 0912668090 ngân hàng M1 mang tên Nguyễn Thị Phương T và số tài khoản 0101001256329 ngân hàng V mang tên Mai Nguyễn Thế P (*đây là số tài khoản Thoa mượn của con trai là anh M Nguyễn Thế P, sinh năm 2002, trú tại khối C, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An để T2 chuyển tiền lãi*) hoặc gặp T để trả tiền lãi bằng tiền mặt.

Ngày 17/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, khám xét khẩn cấp nơi ở T tại khối C, phường C, thành phố V thu giữ: 01 (một) điện thoại di động, 01 (một) giấy biên nhận tiền và 01 (một) cuốn sổ màu nâu.

Quá trình điều tra xác định, trong khoảng thời gian từ tháng 03 năm 2020 đến tháng 03 năm 2023, T đã cho T2 vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

Khoản vay thứ 1: Vào tháng 3 năm 2020, T cho anh T2 vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 1050 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (*tương đương với lãi suất 109,5%/năm - Cao gấp 5,475 lần lãi suất cao nhất được hưởng của Bộ luật dân sự*). Đến nay, T2 đã trả cho T là 63.000.000 đồng tiền lãi tương ứng 1050 ngày vay, còn số tiền gốc 20.000.000 đồng T2 chưa trả cho T được tính làm tiền gốc của khoản vay mới (*khoản vay thứ 3*).

Đối với khoản vay này, T được hưởng số tiền lãi theo quy định là $(20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \div 365 \text{ ngày}) \times 1050 \text{ ngày} = 11.506.849 \text{ đồng}$. Thoa hưởng lãi suất vượt quá quy định và thu lợi bất chính số tiền là 63.000.000 đồng – 11.056.849 đồng = 51.493.151 đồng.

Khoản vay thứ 2 : Vào tháng 8 năm 2020, T cho anh T2 vay số tiền 60.000.000 đồng với thời hạn vay 900 ngày. Đến tháng 2/2023 anh T2 đã trả được số tiền lãi là 158.400.000 đồng cho 660 ngày vay (*tương đương lãi suất 146%/1 năm - Cao gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất được hưởng của Bộ luật dân sự*). Còn số tiền lãi 57.500.000 đồng tương ứng với 240 ngày vay (*tương đương lãi suất 145,7%/1 năm - Cao gấp 7,285 lần lãi suất cao nhất được hưởng của Bộ luật dân sự*) T2 chưa trả và tiền gốc khoản vay thứ hai chưa trả được tính làm tiền gốc của khoản vay mới (*khoản vay thứ 3*).

Đối với khoản vay này, số tiền lãi T được hưởng theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \div 365 \text{ ngày}) \times$

900 ngày = 29.589.041 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Thoa nhằm đạt được là 215.900.000 đồng – 29.589.041 đồng = 186.310.959 đồng.

Khoản vay thứ 3: Vào cuối tháng 2 năm 2023, T và T2 thỏa thuận gộp tiền gốc khoản vay (lần 1 + lần 2) và số tiền lãi 57.500.000 đồng thành số tiền vay mới là 137.500.000 đồng với thời hạn vay là 180 ngày. Tuy nhiên đến hết tháng 7/2023 anh T2 mới trả được số tiền lãi là 26.812.500 đồng cho 65 ngày vay (*tương đương với lãi suất 109,5%/năm - Cao gấp 5,475 lần lãi suất cao nhất được hưởng của Bộ luật dân sự*). Còn số tiền lãi 44.950.000 đồng tương ứng với 115 ngày vay chưa trả (*tương đương với lãi suất 103,8%/năm - Cao gấp 5,19 lần lãi suất cao nhất được hưởng của Bộ luật dân sự*) được chuyển thành tiền gốc của khoản vay mới (khoản vay thứ 4)

Đối với khoản vay này, số tiền lãi T được hưởng theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là $(137.500.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \div 365 \text{ ngày}) \times 180 \text{ ngày} = 13.561.644 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính Thoa nhằm đạt được là 71.762.500 đồng – 13.561.644 đồng = 58.200.856 đồng.

Khoản vay thứ 4: Vào ngày 18/08/2023, số tiền gốc 137.500.000 đồng và số tiền lãi khoản vay thứ 3 là 44.950.000 đồng được T cộng tổng lại và nhắn tin cho anh T2 để yêu cầu T2 trả số tiền 182.450.000 đồng (*số tiền này T không yêu cầu T2 trả lãi*). Thoa nhờ anh Trần P1 (*sinh năm 1996, trú tại khối F, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An*) gặp T2 để thống nhất việc anh T2 trả nợ số tiền 182.450.000 đồng cho Trần P1 thay vì trả nợ cho T. Ngày 19/08/2023, T2 đến quán C tại V để viết giấy vay nợ cho P1, có sự chứng kiến của P. Đến khoảng thời gian đầu tháng 09 năm 2023, do T2 không có tiền trả lãi nên T không yêu cầu T2 phải tiếp tục trả gốc và lãi cho khoản vay thứ 3 đang thiếu mà chỉ yêu cầu T2 trả tiền gốc khoản vay 1 và 2 vào tài khoản của P1. Trong thời gian từ 07/09/2023 đến ngày 14/11/2023, T2 đã sử dụng số tài khoản 19030915588686 ngân hàng T5 mang tên Võ Quốc T2 để chuyển số tiền 19.000.000 đồng đến số tài khoản 19036320500015 ngân hàng T5 mang tên Trần P1 trả số tiền gốc khoản vay 1 và 2. Số tiền P1 nhận được từ anh T2 đã được Phú chuyển lại cho T.

Như vậy, T đã sử dụng số tiền là 80.000.000 đồng để cho anh Võ Quốc T2 vay nói trên với lãi suất từ 103,8%/1 năm đến 146%/1 năm. Tổng số tiền lãi T nhằm đạt được là 350.662.500 đồng, trong đó: Số tiền lãi T2 đã trả cho T là 248.212.500 đồng, số tiền lãi T2 còn nợ T là 102.450.000 đồng. Đối với ba khoản vay trên:

- Số tiền lãi mà T được hưởng theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 54.657.534 đồng, trong đó: Số tiền T2 đã trả cho T là 38.102.740 đồng và số tiền T2 còn nợ T là 16.554.795 đồng.

- Số tiền thu lợi bất chính T nhằm đạt được là 296.004.966 đồng, trong đó: Số tiền T2 đã trả cho T là 210.109.760 đồng và số tiền T2 còn nợ T là 85.895.206 đồng.

Số tiền gốc anh T2 đã trả cho T là 19.000.000 đồng, số tiền gốc anh T2 còn nợ T là 61.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Phương T đã khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* Vật chứng của vụ án:

- 01 (Một) Giấy biên nhận tiền và 01 (Một) cuốn sổ màu nâu, kích thước (175x250)mm thu giữ trong thu giữ trong quá trình khám xét được lưu cùng hồ sơ vụ án.

- 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max, màu tím, số IMEI 350813227709245, có lắp sim số 0912668090, điện thoại đã qua sử dụng. Hiện bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Cáo trạng số 72/CT-VKS-TPV ngày 06/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh truy tố để xét xử Nguyễn Thị Phương T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, giữ nguyên tội danh đã truy tố, đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 2 điều 201; điểm i, s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Phương T từ 09 chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho anh M Nguyễn Thế P 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím; Truy thu sung quỹ nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị Phương T số tiền 57.102.740 đồng (Năm mươi bảy triệu một trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng); Truy thu sung quỹ nhà nước từ anh Võ Quốc T2 số tiền 61.000.000 đồng (Sáu mươi một triệu đồng); Bị cáo Nguyễn Thị Phương T phải trả lại cho anh Võ Quốc T2 số tiền 210.109.760 đồng (Hai trăm mười triệu một trăm linh chín nghìn bảy trăm sáu mươi đồng). Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Phương T đồng ý với nội dung Cáo trạng, luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh M Nguyễn Tiến P2 vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và anh P2 có yêu trả lại 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím cho anh P2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Phương T3 nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 03/2020 đến tháng 11/2023, tại phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Thị Phương T có hành vi sử dụng số tiền 80.000.000 đồng (T4 mươi triệu đồng) cho anh Võ Quốc T2 vay lãi nặng với lãi suất giao động từ 103,8%/năm đến 146%/năm (cao gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự), nhằm thu lợi bất chính số tiền 296.004.966 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu không trăm không bốn nghìn chín trăm sáu sáu đồng), trong đó: Số tiền T2 đã trả cho T là 210.109.760 (Hai trăm mười triệu một trăm linh chín nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) và số tiền T2 chưa trả cho T là 85.895.206 đồng (T4 mươi lăm triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm linh sáu đồng).

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tài sản, mặc dù nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng vì ham lợi nên bị cáo đã cho người khác vay để hưởng số tiền lãi vượt quá lãi suất quy định. Đây là hành vi trái pháp luật, đáng lên án. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, xét tình tiết giảm nhẹ thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím quá trình điều tra xác định thuộc quyền sở hữu của anh M Nguyễn Thế P. Anh P có đơn xin được nhận lại chiếc điện thoại này. Vì vậy cần trả lại chiếc điện thoại này cho chủ sở hữu.

Đối với 01 giấy biên nhận tiền và 01 cuốn sổ màu nâu thu giữ được lưu vào hồ sơ vụ án.

Bị cáo cho anh Võ Quốc T2 vay số tiền gốc thực tế là 80.000.000 đồng để cho vay lãi nặng với lãi suất vượt quá 05 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hiện nay anh T2 đã trả cho bị cáo 19.000.000 đồng và còn nợ 61.000.000 đồng tiền nợ gốc. Đây là số tiền được xác định là phương tiện phạm

tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước, cụ thể cần truy thu từ bị cáo số tiền 19.000.000 đồng và truy thu từ anh T2 số tiền 61.000.000 đồng.

Số tiền lãi 54.657.534 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, nhưng thực tế bị cáo thu từ anh T2 là 38.102.740 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cũng cần tịch thu sung quỹ nhà nước từ bị cáo.

Tổng cộng, truy thu từ bị cáo 19.000.000 đồng + 38.102.740 đồng = 57.102.740 đồng.

Đối với số tiền lãi 210.109.760 đồng cáo thu từ anh T2 là khoản tiền lãi thực tế tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20%/năm. Đây là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên cần buộc bị cáo trả lại cho người vay tiền.

[6]. Đối với anh Mai Nguyễn Thế P, quá trình điều tra xác định anh P cho Thoa mượn tài khoản ngân hàng để thực hiện các giao dịch nhận tiền lãi từ anh T2, anh P có biết việc T cho anh T2 vay tiền tuy nhiên không biết T cho vay với mức lãi suất cao để thu lợi bất chính. Do đó, hành vi của P không đủ cơ sở để xử lý hình sự.

Đối với anh Trần P1, quá trình điều tra xác định anh P1 giúp T để anh T2 viết giấy chuyển số tiền nợ từ T sang cho anh P1, số tiền 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) P1 nhận từ anh T2 đã đưa lại cho T. Tuy nhiên, anh P1 không biết việc T cho anh T2 vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính, P1 không hưởng lợi gì từ T. Do đó, hành vi của P1 không đủ cơ sở để xử lý hình sự.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 điều 201; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Nguyễn Thị Phương T 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 47 Bộ luật hình sự: Trả lại cho anh M Nguyễn Thế P 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, số IMEI: 350813227709245, đã qua sử dụng (Vật chứng hiện có tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án thành phố Vinh theo phiếu nhập kho vật chứng số NK 2024/131 ngày 22/3/2024).

Truy thu sung quỹ nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị Phương T số tiền 57.102.740 đồng (Năm mươi bảy triệu một trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước từ anh Võ Quốc T2 số tiền 61.000.000 đồng (Sáu mươi một triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương T phải trả lại cho anh Võ Quốc T2 số tiền 210.109.760 đồng (Hai trăm mười triệu một trăm linh chín nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Vinh;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Vinh;
- Chi cục THADSTP Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an TP Vinh;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường C;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Thanh Hương